

TRƯỜNG THPT HOÀNG DIỆU
MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH – LỚP 11
NĂM HỌC 2026–2027

MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

I. KHÁI QUÁT CẤU TRÚC VÀ PHÂN BỐ

Bài/chủ đề	Nội dung đánh giá	TN 4 lựa chọn	Đúng/Sai i	Tổng điểm	Tỷ lệ	Mức độ
Bài 1	Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	10 câu 2,50 đ	1 câu 4 ý 1,0 đ	3,50 đ	35%	Theo từng câu/ý
Bài 2	Luật Nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh	9 câu 2,25 đ	1 câu 4 ý 1,0 đ	3,25 đ	32,5 %	Theo từng câu/ý
Bài 3	Phòng chống tệ nạn xã hội trong thời kì hội nhập	9 câu 2,25 đ	1 câu 4 ý 1,0 đ	3,25 đ	32,5 %	Theo từng câu/ý
Tổng	Phạm vi Bài 1–3	28 câu 7,0 đ	3 câu 12 ý 3,0 đ	10,0 đ	100%	NB, TH, VD

Ma trận mức độ nhận thức theo câu và ý

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
Bài 1	6 câu TN 3 ý Đ/S	4 câu TN 1 ý Đ/S	0 câu TN 0 ý Đ/S	10 câu TN + 4 ý Đ/S
Bài 2	8 câu TN 2 ý Đ/S	1 câu TN 2 ý Đ/S	0 câu TN 0 ý Đ/S	9 câu TN + 4 ý Đ/S
Bài 3	6 câu TN 2 ý Đ/S	2 câu TN 2 ý Đ/S	1 câu TN 0 ý Đ/S	9 câu TN + 4 ý Đ/S
Tổng	20 câu TN 7 ý Đ/S	7 câu TN 5 ý Đ/S	1 câu TN 0 ý Đ/S	28 câu TN + 12 ý Đ/S

II. BẢNG ĐẶC TẢ CHI TIẾT

T T	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Câu/ý
1	Bài 1 Chủ quyền lãnh thổ, biên giới và vùng biển	Thực hiện các yêu cầu nhận biết, phân biệt và lựa chọn hành vi phù hợp về chủ quyền lãnh thổ, biên giới và vùng biển.	Nhận biết khái niệm, mốc giới, chiều rộng vùng biển và thời điểm hiệu lực văn bản.	Hiểu ý nghĩa phê chuẩn Công ước và cách xác định chiều rộng vùng đặc quyền kinh tế.	—	C1; C5; C7; C9; C18; C26; C27; CĐS2-a; CĐS2-b; CĐS2-c; CĐS2-d
2	Bài 1 Quan điểm bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm học sinh	Thực hiện các yêu cầu nhận biết, phân biệt và lựa chọn hành vi phù hợp về quan điểm bảo vệ tổ quốc và trách nhiệm học sinh.	—	Phân biệt quan điểm bảo vệ Tổ quốc, đối tác và đối tượng; nhận diện hành vi trái trách nhiệm học sinh.	—	C10; C17; C21
3	Bài 2 Đăng kí, gọi nhập ngũ và nghĩa vụ tham gia CAND	Thực hiện các yêu cầu nhận biết, phân biệt và lựa chọn hành vi phù hợp về đăng kí, gọi nhập ngũ và nghĩa vụ tham gia cand.	Nhận biết cơ quan, độ tuổi, đối tượng, miễn đăng kí, hành vi bị cấm và điều kiện tuyển chọn theo đề.	Phân biệt đối tượng không được đăng kí, miễn đăng kí và tạm hoãn gọi nhập ngũ; hiểu đối tượng công dân nữ.	—	C4; C8; C14; C15; C20; C23; C24; C25; C28; CĐS1-a; CĐS1-b; CĐS1-c; CĐS1-d

T T	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Câu/ý
4	Bài 3 Tội phạm và các tệ nạn xã hội	Thực hiện các yêu cầu nhận biết, phân biệt và lựa chọn hành vi phù hợp về tội phạm và các tệ nạn xã hội.	Nhận biết khái niệm, phương thức hoạt động của tội phạm và biểu hiện tệ nạn xã hội.	Hiểu ý nghĩa phòng chống tệ nạn; phân biệt tội phạm công nghệ cao với hành vi phạm tội trực tiếp.	—	C2; C3; C11; C12; C16; C19; C22
5	Bài 3 Trách nhiệm học sinh và ứng xử trên mạng	Thực hiện các yêu cầu nhận biết, phân biệt và lựa chọn hành vi phù hợp về trách nhiệm học sinh và ứng xử trên mạng.	Nhận biết trách nhiệm học tập, nâng cao nhận thức và không tham gia tệ nạn, tội phạm.	Hiểu trách nhiệm chung và yêu cầu kiểm chứng thông tin trước khi chia sẻ.	Lựa chọn hành động không chia sẻ, báo cáo thông tin có dấu hiệu văn hóa phẩm đồi trụy.	C6; C13; CĐS3-a; CĐS3-b; CĐS3-c; CĐS3-d

III. ĐẶC TẢ THEO TỪNG CÂU VÀ Ý TRONG ĐỀ

Phần / Bài	Câu/ý	Mức độ	Yêu cầu cần đạt
Bài 1	C1	NB	Nhận biết hành vi bị nghiêm cấm ở khu vực biên giới.
Bài 1	C5	NB	Nhận biết khái niệm nội thủy.
Bài 1	C7	NB	Nhận biết chiều rộng lãnh hải tính từ đường cơ sở.
Bài 1	C9	NB	Nhận biết hệ thống đánh dấu biên giới quốc gia trên đất liền.
Bài 1	C10	TH	Hiểu và phân biệt quan điểm đúng của Đảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.
Bài 1	C17	TH	Phân biệt hành vi không phù hợp với trách nhiệm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của học sinh.
Bài 1	C18	NB	Nhận biết chiều rộng khu vực biên giới trên không.

Phần / Bài	Câu/ý	Mức độ	Yêu cầu cần đạt
Bài 1	C21	TH	Hiểu quan điểm về đối tác và đối tượng để xác định thế lực là đối tượng.
Bài 1	C26	NB	Nhận biết ngày Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 có hiệu lực.
Bài 1	C27	TH	Hiểu cách xác định phần chiều rộng vùng đặc quyền kinh tế tính từ phía ngoài lãnh hải.
Bài 1	CĐS2-a	TH	Hiểu ý nghĩa của việc Việt Nam phê chuẩn Công ước Luật Biển 1982 gắn với khẳng định chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa.
Bài 1	CĐS2-b	NB	Nhận biết ngày Luật Biển Việt Nam năm 2012 có hiệu lực.
Bài 1	CĐS2-c	NB	Nhận biết chiều rộng lãnh hải; phát hiện nhận định nhầm với vùng đặc quyền kinh tế.
Bài 1	CĐS2-d	NB	Nhận biết ngày Công ước Luật Biển năm 1982 có hiệu lực.
Bài 2	C4	NB	Nhận biết cơ quan đăng kí nghĩa vụ quân sự tại địa phương.
Bài 2	C8	NB	Nhận biết trường hợp được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình theo nội dung đề.
Bài 2	C14	NB	Nhận biết đối tượng được miễn đăng kí nghĩa vụ quân sự.
Bài 2	C15	NB	Nhận biết giới hạn tuổi gọi nhập ngũ đối với công dân đã được tạm hoãn vì học đại học, cao đẳng.
Bài 2	C20	NB	Nhận biết số chương, số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 theo nội dung đề.
Bài 2	C23	NB	Nhận biết hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện nghĩa vụ quân sự.
Bài 2	C24	TH	Phân biệt đối tượng không được đăng kí nghĩa vụ quân sự với đối tượng miễn đăng kí và tạm hoãn gọi nhập ngũ; đối chiếu cách diễn đạt tại C24.
Bài 2	C25	NB	Nhận biết tiêu chuẩn trình độ văn hóa tuyển chọn nghĩa vụ tham gia CAND nói chung theo đề.
Bài 2	C28	NB	Nhận biết đối tượng đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu.
Bài 2	CĐS1-a	NB	Nhận biết độ tuổi đăng kí nghĩa vụ quân sự của công dân nam.
Bài 2	CĐS1-b	TH	Phân biệt trường hợp không được đăng kí nghĩa vụ quân sự khi đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Phần / Bài	Câu/ý	Mức độ	Yêu cầu cần đạt
Bài 2	CĐS1-c	TH	Hiểu công dân nữ có thể thuộc diện đăng kí nghĩa vụ quân sự; đánh giá nhận định tuyệt đối hóa.
Bài 2	CĐS1-d	NB	Nhận biết đối tượng miễn đăng kí nghĩa vụ quân sự do bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần.
Bài 3	C2	NB	Nhận biết khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao.
Bài 3	C3	NB	Nhận biết cách thức hoạt động phổ biến của tội phạm hiện nay.
Bài 3	C6	VD	Lựa chọn cách ứng xử phù hợp khi phát hiện thông tin có dấu hiệu tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy trên mạng xã hội.
Bài 3	C11	TH	Hiểu ý nghĩa của việc phòng chống tệ nạn xã hội.
Bài 3	C12	TH	Phân biệt hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao với hành vi trộm cắp trực tiếp.
Bài 3	C13	NB	Nhận biết trách nhiệm không tham gia tệ nạn xã hội và hoạt động phạm tội của học sinh.
Bài 3	C16	NB	Nhận biết biểu hiện của tệ nạn mê tín dị đoan theo nội dung đề.
Bài 3	C19	NB	Nhận biết hành vi liên quan đến mại dâm bị nghiêm cấm.
Bài 3	C22	NB	Nhận biết yếu tố lỗi trong khái niệm tội phạm.
Bài 3	CĐS3-a	TH	Hiểu trách nhiệm của học sinh trong phòng chống tệ nạn xã hội; đánh giá nhận định chỉ giao trách nhiệm cho công an.
Bài 3	CĐS3-b	NB	Nhận biết trách nhiệm không tham gia tệ nạn xã hội và tội phạm công nghệ cao.
Bài 3	CĐS3-c	NB	Nhận biết trách nhiệm học tập, nâng cao nhận thức phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.
Bài 3	CĐS3-d	TH	Hiểu yêu cầu kiểm chứng thông tin trước khi chia sẻ trên không gian mạng.

GIÁO VIÊN XÂY DỰNG

Hoàng Văn Anh